

Phần hai

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY

Chương I

VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1919 - 1930

Bài 14

VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Chương trình khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã làm cho kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục Việt Nam ngày càng biến đổi sâu sắc.

I - CHƯƠNG TRÌNH KHAI THÁC LẦN THỨ HAI CỦA THỰC DÂN PHÁP

Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) kết thúc, thực dân Pháp thắng trận nhưng đất nước bị tàn phá nặng nề, nền kinh tế bị kiệt quệ. Tư bản độc quyền Pháp vừa tăng cường bóc lột nhân dân lao động trong nước, vừa đẩy mạnh khai thác các thuộc địa để bù đắp những thiệt hại do chiến tranh gây ra. Chương trình khai thác lần thứ hai đã được chúng ráo rết thi hành ở Đông Dương, trong đó có Việt Nam.

Pháp tăng cường đầu tư vào Việt Nam, bỏ vốn nhiều nhất vào *nông nghiệp* (chủ yếu là đồn điền cao su) và *khai mỏ* (chủ yếu là mỏ than), vì cao su và than là hai mặt hàng thị trường Pháp và thế giới có nhu cầu lớn.

Năm 1927, số vốn đầu tư vào nông nghiệp lên tới 400 triệu phrăng, gấp nhiều lần vào thời kì trước chiến tranh. Diện tích trồng cao su tăng từ 15 ngàn héc-ta năm 1918 lên 120 ngàn héc-ta năm 1930. Nhiều công ti cao su lớn ra đời : Công ti Đất Đỏ, Công ti Mi-sơ-lanh, Công ti Cây nhiệt đới v.v...

Tư bản Pháp cũng chú trọng đến khai mỏ. Các công ti than có từ trước đều được bổ vốn thêm và hoạt động mạnh hơn. Nhiều công ti than mới nối tiếp nhau ra đời : Công ti than Hạ Long - Đông Đăng, Công ti than và kim khí Đông Dương, Công ti than Tuyên Quang, Công ti than Đông Triều v.v...

Tư bản Pháp mở thêm một số cơ sở công nghiệp như các nhà máy sợi Hải Phòng, Nam Định ; các nhà máy rượu Hà Nội, Nam Định, Hà Đông ; các nhà máy diêm Hà Nội, Hàm Rồng (Thanh Hoá), Bến Thủy (Vinh) ; nhà máy đường Tuy Hoà (Phú Yên) ; nhà máy xay xát gạo Chợ Lớn v.v...

Thương nghiệp phát triển hơn trước thời kì chiến tranh. Để nắm chặt thị trường Việt Nam và Đông Dương, tư bản độc quyền Pháp đánh thuế nặng hàng hoá các nước nhập vào nước ta, chủ yếu là của Trung Quốc và Nhật Bản. Nhờ đó, hàng hoá của Pháp nhập vào Việt Nam tăng lên rất nhanh.

Giao thông vận tải được đầu tư để phát triển thêm. Đường sắt xuyên Đông Dương được nối liền nhiều đoạn : Đông Đăng - Na Sám (1922), Vinh - Đông Hà (1927).

Ngân hàng Đông Dương, đại diện thế lực của tư bản tài chính Pháp, có cổ phần trong hầu hết các công ti và xí nghiệp lớn, đã nắm quyền chỉ huy các ngành kinh tế ở Đông Dương.

Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp không thay đổi : hạn chế công nghiệp phát triển, đặc biệt là công nghiệp nặng ; tăng cường thủ đoạn bóc lột, vơ vét tiền của của nhân dân ta bằng cách đánh thuế nặng (thuế ruộng đất, thuế thân, thuế rượu, thuế muối, thuế thuốc phiện và hàng trăm thứ thuế khác).



Hình 27. Nguồn lợi của tư bản Pháp ở Việt Nam trong cuộc khai thác lần thứ hai

- *Tại sao thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác Việt Nam và Đông Dương ngay sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ?*
- *Dựa vào lược đồ (Hình 27) để trình bày chương trình khai thác Việt Nam lần thứ hai của thực dân Pháp tập trung vào những nguồn lợi nào ?*

II - CÁC CHÍNH SÁCH CHÍNH TRỊ, VĂN HOÁ, GIÁO DỤC

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, chính sách cai trị của Pháp ở Việt Nam không hề thay đổi. Mọi quyền hành đều bị thu tóm trong tay người Pháp, vua quan Nam triều chỉ làm bù nhìn tay sai. Nhân dân ta không được hưởng chút quyền tự do, dân chủ nào, mọi hành động yêu nước đều bị chúng thẳng tay đàn áp, khủng bố.

Về chính trị, thực dân Pháp thi hành chính sách “chia để trị” : chia nước ta thành ba kì : Bắc Kì, Trung Kì, Nam Kì với ba chế độ khác nhau ; đồng thời còn chia rẽ giữa các dân tộc đa số và thiểu số, giữa các tôn giáo. Bộ máy cường hào của giai cấp địa chủ phong kiến ở nông thôn bị triệt để lợi dụng vào việc củng cố uy quyền và bảo vệ sự thống trị của chúng.

Về văn hoá, giáo dục, chúng triệt để thi hành chính sách văn hoá nô dịch nhằm gây tâm lí tự ti, ra sức khuyến khích các hoạt động mê tín, dị đoan, các tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè, bán dâm, v.v... Trường học được mở rất hạn chế, chủ yếu là các trường tiểu học, các trường trung học chỉ có ở một số thành phố lớn (Hà Nội, Huế, Sài Gòn...) và một số tỉnh lỵ, còn các trường đại học và cao đẳng ở Hà Nội thực chất chỉ là những trường chuyên nghiệp.

Sách, báo xuất bản công khai được lợi dụng triệt để vào việc tuyên truyền chính sách “khai hoá” của thực dân và gieo rắc ảo tưởng hoà bình hợp tác với thực dân cướp nước và vua quan bù nhìn bán nước.

- *Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp đã thi hành ở Việt Nam những thủ đoạn chính trị, văn hoá, giáo dục nào ?*
- *Mục đích của các thủ đoạn đó là gì ?*

III - XÃ HỘI VIỆT NAM PHÂN HOÁ

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, sự phân hoá giai cấp trong xã hội Việt Nam ngày càng sâu sắc :

1. *Giai cấp địa chủ phong kiến* ở nông thôn ngày càng cấu kết chặt chẽ hơn với thực dân Pháp. Chúng chia nhau chiếm đoạt ruộng đất của nông dân, đẩy mạnh bóc lột về kinh tế và tăng cường kìm kẹp, đàn áp về chính trị đối với nông dân. Cũng có một bộ phận, nhất là địa chủ vừa và nhỏ, có tinh thần yêu nước nên đã tham gia vào các phong trào yêu nước khi có điều kiện.

2. Tầng lớp tư sản ngày càng đông, nhưng phải đến mấy năm sau chiến tranh, *giai cấp tư sản* mới ra đời. Lúc đầu, phần đông trong số này là những tiểu chủ đứng trung gian làm thầu khoán, cung cấp nguyên vật liệu hay đại lí hàng hoá cho tư bản Pháp ; khi đã kiếm được số vốn khá, họ đứng ra kinh doanh riêng và trở thành những nhà tư sản như Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Hữu Thù, v.v...

Giai cấp tư sản Việt Nam phân hoá thành hai bộ phận : tầng lớp tư sản mại bản có quyền lợi gắn liền với đế quốc nên câu kết chặt chẽ về chính trị với chúng ; tầng lớp tư sản dân tộc có khuynh hướng kinh doanh độc lập nên ít nhiều có tinh thần dân tộc dân chủ, chống đế quốc và phong kiến, nhưng thái độ không kiên định, dễ thoả hiệp.

3. Do các ngành kinh tế phát triển, đặc biệt là các cơ quan hành chính, văn hoá, giáo dục ngày càng mở rộng, tầng lớp *tiểu tư sản thành thị* tăng nhanh về số lượng. Họ cũng bị tư bản Pháp ráo riết chèn ép, bạc đãi, khinh rẻ, đời sống bấp bênh, dễ bị xô đẩy vào con đường phá sản và thất nghiệp. Trong khi đó, bộ phận trí thức, sinh viên, học sinh có điều kiện tiếp xúc với các trào lưu tư tưởng văn hoá tiến bộ bên ngoài, nên có tinh thần hăng hái cách mạng và là một lực lượng trong quá trình cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta.

4. *Giai cấp nông dân* chiếm trên 90% dân số, bị thực dân, phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề bằng các thủ đoạn sưu cao, thuế nặng, tô tức, phu phen, tạp dịch, cướp đoạt ruộng đất. Họ bị bán cùng hoá và phá sản trên quy mô lớn. Đây là lực lượng hàng hái và đông đảo nhất của cách mạng.

5. *Giai cấp công nhân* ra đời ngay trước chiến tranh, trong thời kì khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp, phát triển khá nhanh trong thời kì khai thác lần thứ hai cả về số lượng và chất lượng ; phần lớn công nhân tập trung tại các vùng mỏ, đồn điền cao su và các thành phố công nghiệp như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Sài Gòn - Chợ Lớn.

Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng : bị ba tầng áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến, tư sản người Việt ; có quan hệ tự nhiên gắn bó với giai cấp nông dân ; kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng và bất khuất của dân tộc. Trên cơ sở đó, giai cấp công nhân Việt Nam nhanh chóng vươn lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng nước ta.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã phân hoá như thế nào ?
2. Em hãy cho biết thái độ chính trị và khả năng cách mạng của các giai cấp trong xã hội Việt Nam sau chiến tranh.